|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 68: KIỂM TRA CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU**

**I. Mục tiêu**

Qua tiết học này, học sinh được kiểm tra, đánh giá kiến thức trong chương số nguyên:

**1. Về kiến thức**

Kiểm tra việc lĩnh hội, vận dụng kiến thức đã học trong chương II, của học sinh.

**2. Về kĩ năng**

Kiểm tra các kĩ năng: cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu; thực hiện các phép tính tìm giá trị tuyệt đối, tìm số nguyên x, tìm ước và bội của một số nguyên, kĩ năng tính nhanh.

**3. Về thái độ**

Học sinh làm bài nghiêm túc, tích cực.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- **Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

+ Giáo viên: Giáo án, đề kiểm tra

+ Học sinh: Đồ dùng học tập và ôn tập kiến thức chương II

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra**

**\* MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề kiến thức | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Tổng điểm |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Phép toán trên tập hợp số nguyên  | 2 1 |  | 2  1 |  |  | 2 2,5Có kĩ năng bỏ ngoặc tính hợp lý | 64,5 |
| Bội ước trên tập hợp số nguyên |  |  |  |  |  | 12đ Có kĩ năng chuyển bài toán thực tế về tìm bội ước số nguyên | 1 2,0 đ |
| Bài toán tìm giá trị của biến thỏa mãn điều kiện cho trước  |  | 10,75Dựa vào quy tắc chuyển vế QHPT nhân tìm x |  | 1 0,75Hiểu biết về GTTĐ |  | 2 2Vận dụng về GTTĐ và QHPT Tìm x | 33,5đ |
| Tổng cộng điểm | 1,0  | 1 | 1,0  | 1,5  |  | 5,5 | 10,0 đ |

**Đề bài**

 **Phần I : Trắc nghiệm khách quan( 2 điểm)**

*Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:*

1. Kết luận nào sau đây đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. –(–8) = 8 | B. –(–8) = –8 | C. |–8| = –8 | D. –|–8| = 8. |

***2.*** *Giá trị của biểu thức –17 – (–23) + (–2) bằng:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 8 | C. –4 | D.–42 |

**3.** Kết quả của phép tính –35 + 88 – (28 + 35) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 50 | B. 10 | C. -10 | D. 60 |

**4.** Số nguyên x mà –6 < –3 + x < –4 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. –4 | B. –2 | C. –3 | D. –1. |

**Phần II : Tự luận( 8 điểm)**

**Bài 1** : **(2,5 điểm)** Tính hợp lí (nếu có thể) :

a. (- 268) – [( -268 + 163) – 63]

b. (- 42).(-171) + (-42).71

c. Tổng của tất cả các số nguyên mà giá trị tuyệt đối không vượt quá 10

**Bài 2** : **(1,5 điểm)** Tìm x biết:

a. 2x + 48 = 24 b.  = 6

**Bài 3 (2 điểm):**

1. Tìm các số nguyên x, y biết (x + 2)(y – 3) = 5
2. Tìm số nguyên n sao cho n + 5 chia hết cho n – 2.

**Bài 4**. **(2 điểm)** Lớp 6A nếu sếp hàng 6, hàng 8 thi đều thiếu 3 em . Tìm số học sinh lớp 6A , biết số học sinh lớp 6A nằm trong khoảng từ 40 đến 60 em

**B. Đáp án – Biểu điểm**

**Phần I : Trắc nghiệm khách quan (2 điểm).** Mỗi ý đúng cho 0.5 điểm

1-A 2-A 3-C 4-B

**Phần II : Tự luận( 6 điểm)**

**Bài 1 (3 điểm)** Mỗi ý a, b làm đúng cho 0,75 điểm, ý c cho 1điểm. Nếu làm đúng nhưng tính không hợp lí thì cho nửa số điểm

a. (- 268) – [( -268 + 163) – 63]

= (- 268) - ( -268 + 163) + 63

= [(- 268)+ 268] + ( - 163+ 63)

= 0 + ( -100) = -100

b. (- 42).(-171) + (-42).71 = (-42).(-171+71) = (-42).(-100) = 4200

c. Các số nguyên có GTTĐ không vượt quá 10 là:

-10 ; -9 ;-8 ;-7 ;-6 ;-5 ;-4 ;-3 ;-2 ;-1 ; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10

Các số nguyên có GTTĐ không vượt quá 10 có tổng là:

(-10) +(-9) +(-8) +(-7) +(-6) +(-5) +(-4) +(-3) +(-2) +(-1) +0 +1 +2 +3 +4 +5 +6 +7 +8 +9+ 10

=(-10+10) + (-9+9) + (-8+8) + (-7+7) + (-6+6) + (-5+5) + (-4+4) + (-3+3) + (-2+2) + (-1+1) + 0 = 0

**Bài 2 (1,5 điểm)**: Mỗi ý đúng đúng cho 0,75 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| a) 2x + 48 = 242x = 24 – 482x = - 24x = - 24 : 2x = - 12. Vậy x = -12 | b. = 6 3x - 3 = 6 hoặc 3x - 3= -63x = 9 3x= -3x = 9 : 3 x= -1x = 3 Vậy x = 3 hoặc x = - 1 |
| **Bài 3 (2 điểm):** Mỗi ý đúng đúng cho 1 điểm |
| a) x + 2 là ước của 5, lần lượt cho x + 2 bằng 1; -1; 5; -5, tìm được x bằng -1; -3; 3; -7. Vậy (x, y  | b)  ... n   |

**Bài 4 (2 điểm):**

Gọi số học sinh của lớp 6 A là a (a  N\* ; 40  a  60 ; học sinh)

Theo bài ra lớp 6A nếu xếp hàng 6, hàng 8 thi đều thiếu 3 em, nên:

a + 3 BC(6,8) = B(24) = {0;24;48;72;...} và 43  a + 3  63

 a + 3 = 48  a = 45

Vậy lớp 6A có 45 em ( thỏa mãn 40  a  60 )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**CHƯƠNG III. PHÂN SỐ**

**Tiết 69: MỞ RỘNG KHÁI NIỆM PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua tiết học này, học sinh đạt được:

**1. Về kiến thức**

Học sinh thấy được sự giống và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở tiểu học và khái niệm phân số ở lớp 6.

**2. Về kĩ năng**

 - Viết được các phân số mà tử số và mẫu số là các số nguyên.

 - Thấy được số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu là 1.

**3. Về thái độ**

Học sinh hăng hái hưởng ứng xây dựng bài, thêm yêu thích bộ môn.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- **Năng lực**: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

+ Giáo viên: Giáo án, SGK, SBT, sách giáo viên, phấn màu, bảng phụ.

+ Học sinh: SGK, SBT, đồ dùng học tập, bảng nhóm.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (3 phút)*****Mục tiêu:*** Đặt vấn đề vào bài mới***Phương pháp:*** Đàm thoại |
| - Hãy lấy VD về phân số đã học ở tiểu học? - Một cái bánh được chia thành 4 phần bằng nhau, lấy 3 phần ta nói rằng đã lấy 3/4 cái bánh. Phân số , ở đây 4 là mẫu và chỉ số phần bằng nhau; 3 là tử và chỉ số phần bằng nhau đã được lấy.- Vậy  có phải là phân số không? Đó là nội dung chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay | HS lấy ví dụ |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.****Hoạt động 1: Khái niệm phân số (12 phút)****Mục tiêu:** + HS thấy được sự giống và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở tiểu học và khái niệm phân số ở lớp 6.+ HS lấy được ví dụ về phân số, phân biệt được tử số và mẫu số.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại. |
| **GV**:  có thể coi là thương của phép chia 3 cho 4. Tương tự -3 chia cho 4 ta cũng được phân số - Yêu cầu HS chỉ ra tử và mẫu của phân số - **GV**:(?) Hãy nêu dạng tổng quát của phân số đã học ở tiểu học**- GV**:(?) Vậy hãy chuyển sang dạng tổng quát của phân số với tử số và mẫu số là các số nguyên.- GV: Yêu cầu 2HS đọc lại khái niêm phân số - GV: (?) ; 2 có phải là phân số không? | - HS lắng nghe.- Phân số:  Tử số: -3 Mẫu số: 4-HS: Phân số có dạng với b0; a,b N- HS: Phát biểu tổng quát (SGK)- **HS**: Đọc lại- **HS:**  là phân số 2 =  là phân số | **1.** **Khái niệm phân số**:**\* Tổng quát**: (SGK.4)Người ta gọi  với a, b  Z ; b  0 là một phân số a là tử số (tử) b là mẫu số (mẫu) của phân số.\* Ví dụ:  Tử số: -3 Mẫu số: 4 |
| **Hoạt động 2: Ví dụ (15 phút)****Mục tiêu:** - HS viết được các phân số mà tử số và mẫu số là các số nguyên.- HS thấy được số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu là 1.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, đàm thoại, hoạt động nhóm,… |
| **GV**: Treo bảng phụ ghi bài tập: Chỉ ra p/s, tử - mẫu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các số | p/s | Tử | Mẫu |
| -5/6 |  |  |  |
| 0/4 |  |  |  |
| 4/0 |  |  |  |
| -2 |  |  |  |
| -1/-2 |  |  |  |
| a (a∈Z) |  |  |  |
| -3/a (a∈Z) |  |  |  |

 -Gọi học sinh đứng tại chổ đọc to lại các phân số và chỉ ra tử, mẫu của mỗi p/s- Tại sao -2 ; a (a∈Z) là phân số ?/-3/a (a∈Z) là phân số khi nào ?**GV**: Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm hoàn thành và  ( 2 p’ )- Gọi 4 học sinh lên bảng trình bày - Gọi tiếp 2 học sinh lên bảng dùng bút lông khoanh tròn vào chữ các trước câu chọn.G**V**: Nhận xét bài của các học sinh và nhận xét hoạt động của các nhóm- Qua  và  yêu cầu học sinh nhận xét, mọi số nguyên có thể viết được dưới dạng phân số hay không ? Nêu ví dụ ?- Nếu có số nguyên a thì ta viết như thế nào?**GV**: Nhận xét và chốt lại bằng nội dung nhận xét SGK | HS: Theo dõi nội dung bài tập.HS: Trả lời- Vì các số có mẫu bằng 1- a ***≠*** 0**HS** hoạt động nhóm hoàn thành và **- HS**: Các nhóm còn lại chú ý theo dõi, nêu nhận xét**2HS**: lên bảng thực hiện**HS**: ghi bài vào vở**HS**: Đứng tại chổ trả lời và nêu ví dụ | 2. Ví dụ ; ; ; ; … là những phân số

|  |
| --- |
| ?1 |

 có tử là 4 mẫu là 1 có tử là -3 mẫu là 2  có tử là 1 mẫu là 2 có tử là -3 mẫu là 1, …

|  |
| --- |
| ?2 |

a) c)

|  |
| --- |
| ?3 |

Nhận xét: Mọi số nguyên đều có thể viết dưới dạng phân số.Ví dụ : 4 =\* Nhận xét: - Số nguyên a có thể viết là  |
| **C. Hoạt động luyện tập (12 phút)** Mục đích: - Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập áp dụng.Phương pháp: Thực hành, vấn đáp. |
| GV: ghi sẵn **bài 1** ra bảng phụ- Gọi học sinh lên bảng trực tiếp làm bài vào bảng phụ- Sau khi học sinh lên bảng đả biểu diễn xong, hỏi đối với 1 số học sinh (Y-K) là phần nào trên hình ? là phần nào trên hình?GV: Nhận xét , chốt lại**Bài 2 (Sgk/5)**:GV: Tương tự bài tập 1 , quan sát hình 4a,b,c,d đọc và ghi các phân số.- Hướng dẫn đối với một số học sinh yếu- Nhận xét chung | HS: Chú ý theo dõi, đọc quan sát hình vẽ và suy nghĩ 2HS: Lên bảng thực hiện. HS còn lại chú ý nhận xét, ghi vào vởHS: (Y-K) quan sát hình và biết đượcvà là phần tô màu trên hình vẽ.HS: Ghi bài nhanh vào vở.Bài 2 (Sgk/5):HS: Quan sát kĩ các hìnhvẽ và biểu diễn các phân số tương ứng4HS: lên bảng ghi các phân số tương ứng với các hìnhHS: Còn lại chú ý, nêu nhận xét. | Bài 1 (Sgk/5) :a)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

 của hình chử nhậtb)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

 của hình vuông**Bài 2 (Sgk/5):**a)  b) c)  d)  |
| **D. Hoạt động 4: Hướng dẫn dặn dò (2 phút )** - Về nhà học bài và làm các bài tập 3, 4, 5 (Sgk/6)- Xem bài “Phân số bằng nhau” tiết sau học. |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 70: PHÂN SỐ BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua tiết học này, học sinh đạt được:

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được thế nào là hai phân số bằng nhau.

- Nhận dạng, giải thích được các cặp phân số bằng nhau.

- Lập được các cặp phân số bằng nhau từ một đẳng thức.

**2. Về kĩ năng**

- Nhận dạng được phân số bằng nhau và không bằng nhau.

- Lập được các cặp phân số bằng nhau từ một đẳng thức đúng.

**3. Về thái độ**

- Xây dựng ý thức học tập tự giác, tích cực và tinh thần hợp tác trong học tập.

- Chính xác trong lập luận, giải thích, trình bày bài.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

 - **Năng lực**: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

+ Giáo viên: Giáo án, SGK, sách giáo viên, phấn màu, bảng phụ.

+ Học sinh: SGK, đồ dùng học tập, bảng nhóm.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động – kiểm tra bài cũ (3 phút)*****Mục tiêu:*** Kiểm tra việc nắm kiến thức của học sinh***Phương pháp:*** Vấn đáp, đàm thoại. |
| - Nêu khái niệm phân số ?- Các cách viết dưới đây cách viết nào cho ta phân số ?-7/8; 0/14 27/0.-Nhận xét và cho điểm | HS1: Lên bảng kiểm traHS2: Nhận xét | Người ta gọi với a, b ∈ Z, b ≠ 0 là một phân số, a là tử số, b là mẫu số của phân số.+ Phân số là: -7/8 ; 0/14 |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.****Hoạt động 1: Định nghĩa. (12phút)****Mục tiêu:** HS phát biểu được định nghĩa hai phân số bằng nhau và nhận biết được hai phân số bằng nhau.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, đàm thoại. |
| - Quan sát hình 5/ SGK- Cắt lần 1 đã lấy đi mấy phần chiếc bánh?- Cắt lần 2 đã lấy đi mấy phần chiếc bánh?- Số bánh lấy đi ở 2 lần có bằng nhau không? Vì sao?Xét tích: 1.6 và 3.2 Ta nói:  Tương tự Ta cũng có = vì sao?+ Vậy hai phân số và bằng nhau khi nào?-Nhận xét | - HS quan sát hình 5- 1/32/61/3 = 2/61.6 = 3.2 (=6)Ta cũng có = vì sao?5.12 = 10.6 (=60)- Khi *a.d = b.c*-Nhận xét | 1. Định nghĩa*Hai phân số và gọi là bằng nhau nếu a.d =b.c*Ví dụ:  = vì 5.12 = 10.6 (=60) |
| **Hoạt động 2: Các ví dụ. (10 phút)****Mục tiêu:** - HS nhận biết được hai phân số bằng nhau hay không bằng nhau.- HS làm được bài toán tìm x đơn giản dựa vào định nghĩa hai phân số bằng nhau.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại, hoạt độn nhóm. |
| -GV nêu ví dụ1SGK/8- Làm câu hỏi , + Dựa vào nội dung nào để thực hiện ?Treo bảng phụ+ Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 2 phút-Nhận xét- GV nêu ví dụ 2: Tìm số nguyên x, biết = + Để tìm x ta dựa vào kiến thức nào ? - Nhận xét chung | -HS chú ý theo dõi Dựa vào khái niệm và ví dụ để thực hiện+ Các cặp phân số ở câu a, c bằng nhau. -2/5 2/5 vì -2.5 2. 54/-215/20 vì 4.20-21.5-9/-117/-10 vì (-9). (-10) -11. 7.-Nhận xétHS tìm hiểu đề và trả lời+ Dựa vào định nghĩa để tìm x-Nhận xét | 2. Các ví dụ**Ví dụ 1:** = vì (-3).(-8) = 4.6 (=24) ≠ vì 3.7 ≠ 5.(-4) **Ví dụ 2**:Tìm x ∈ Z biết:Vì: = Nên (-2).6 = 3.x ⇒ x =  x = - 4 Vậy x = - 4 |
| **C. Hoạt động luyện tập (18 phút)** **Mục tiêu:** HS vận dụng được các kiến thức cơ bản để giải một số bài tập trong SGK**Phương pháp:** Gợi mở - vấn đáp, thuyết trình, Hoạt độngnhóm. |
| - Qua bài học hôm nay các em đã nắm được những nội dung cơ bản nào ?- Nhận xét?Bài 6 (SGK/8):+ Để tìm x, y ta dựa vào nội dung nào ?-Nhận xét Bài 8 (SGKk/8):+ Để làm bài tập trên ta dựa vào kiến thức nào ?-Nhận xétBài 10 (SGK/8):GV: Hướng dẫn cách làm bài. | - Định nghĩa về hai phân số bàng nhau, ôn tập được nhân hai số nguyên cùng dấu và khác dấu.-Nhận xétBài 6 (SGK/8):+ Dựa vào định nghĩa và ví dụ 2.-Nhận xétBài 8 (SGK/8):+ Dựa vào định nghĩa để thực hiện.-Nhận xétBài 10 (SGK/8):Nghe, tìm hiểu | Bài 6 (SGK/8):a) = ⇒ x = = 2b) = ⇒y = = -7**Bài 8 (SGK/8):**1. a.b = (-b).(-a)

nên = 1. (-a).b = (-b).a

nên = Bài 10 (SGK/8):Lập các cặp phân số bằng nhau từ đẳng thức: 2. (-6) = 3. (-4); ; ;  |
| **D. Hoạt động: Hướng dẫn học và chuẩn bị bài (1 phút)**- Về nhà học bài và làm các bài tập 7; 9(SGK/9); bài tập 9;10;11SBT/5.- Ôn tập tính chất cơ bản của phân số đã học ở Tiểu học, lấy 2 ví dụ minh họa cho mỗi tính chất - Xem bài “Tính chất cơ bản của phân số” tiết sau học. |